ARC HOANG 29

天南語錄

Thiên nam ngữ lục 天南語錄

Xét từ câu 8287 trở xuống, thấy sách viết sau khi Trịnh Tạc mất (1682), chắc là tay đời Trịnh Căn [câu 8315] nghĩa là tay khoảng (1682-1709)

天南語錄

THIÊN NAM NGỮ LỤC

BULAC

紀 工外紀

(I)

NGOẠI KỶ 外紀

Trải xem sự kỷ nước Nam　事紀
Kính vâng tay mới chép làm nôm na
Nhờ từ Thái-cực sinh ra　太極　xưa dựng
Trên trời, dưới đất, giữa hoà dân gian　nhân
Cõi ra ngoài Ngũ-lĩnh san　五嶺山 (a)　chốn
Hiệu Xích-quỉ quốc tuyệt ngàn Bắc sơn (x)　赤鬼国 (b)
Khí thiêng tạo hoá có thường
Sơn xuyên hiểm trở, phong-cương khoẻ (強) bền
Có người có vật tự nhiên
Nhờ trong Khí-hoá hợp nên dân trời　氣化
Ăn hoa uống tuyết nhàn chơi
Huyệt cư, dã xử thói người hồng-hoang　穴居野処 洪荒
Hay đâu chữ nghĩa điều chương　條章
Lấy dây làm cửa, lấy hang làm nhà　thanh 清

Viêm đế

Trẻ vua Viêm-đế sinh ra (c)　炎帝
Thánh-nhân ngưu-thủ hoà là Thần nông　牛首 神農
Đất thiêng Khương-thuỷ [illegible] tông (xx)　姜水
Cháu con nối dõi tổ-tông thủ thành　守成　nối nghiệp cháu

Đế minh
nam tuần

Đường đời trong thuở Đế-minh　帝明　Đời xưa
Chí khôi (魁) đại-nghiệp ra danh cõi ngoài　đời
Nhân nhàn xa giá đi chơi　Nhàn nhân

9b

Nam-tuần xảy gặp một người thiếu niên
Xưng danh là ả Khương-tiên　姜仙　Vụ 婺
Có tình cửu-vỹ là em ngoan nguỳ (頑危)　九尾
Bổng loài li mườn xưa kia　魑魅　Học đời Vụ đế
Làm cô Vân-vũ, làm gì nguyệt hoa
Nàng vui giữ đạo thất-thà　hay 台
Bèn lành thói tà lên ở Thanh-sơn　青山

(x) (xx) Nổi ngoài Nam hải, tuyệt ngàn Bắc phương
Trời cho thay họ Hữu hùng 有熊

(a) Lô giang 瀘江 nay Nhị-hà 珥江; Tản lĩnh 傘嶺 nay Tản-viên
(b) Xích quỉ triều bang, Hồng bàng khai vận 赤鬼肇邦 鴻龐開運
(c) 炎帝軒轅

Nết na tư-chất đoan-trang — dong nhan
Đã khác thế-tục phàm-gian dưới trần — Đoan trang đã khác
Tuổi thì vừa mới đôi tuần — vừa bởi ~~mới~~ 勸
(Quật) Khuất (...) tay giáp-tý kể lần (鄰) tháng ngày
Tạo-đoan sự ỷ (倚 ỷ ?) khôn hay — ấy 意
Bởi con chính-tính nối dây xích thằng. — 正姓
Bông đâu xa giá vang lừng — tiếng
Nghi vệ chật rừng, binh mã tiếng rân (嘶) — 儀衛
Non khơi vừng rắp dạo chân — dậm 踸
Để mình coi thấy có phần chạnh lòng — nghe
Định duyên trước bởi tơ hồng — Định
Thoắt (脫) xe thoắt bén một vòng một [illegible] — 李
Bèn nên ân ái kết nguyền
Sinh ra nam-tử giá nên nghìn vàng — hai
Giống (種) thiêng đã khác tầm thường
Thanh cao mọi vẻ, thiên hương sánh (...) kề — tướng khí 祥氣, bán 帝宜
Chẳng cả hiệu là Đế Nghi

Lộc-Tục
Kinh dương Vương

2a Thứ hai Lộc-tục khác bề phàm sinh — 祿續 允生 giữ (1)
Đế-nghi tính khí hiền lành
Ân lừng thiên-địa, đức kinh quỉ-thần
Lộc-tục khôn khéo bội phần
Ngay tin trời đất, trung cần nhà Vương (王) — nhà nước
Để mình xem thấy ngọc vàng — vương (1) bằng 凭 (1)
Sắp trao quyền cả cho chàng thứ hai — ~~tâm~~
Lộc-tục từ nghe biết lời
Từ rằng "Cha cải (改) mệnh trời sao nên — cưỡng 強
Thì (時) cho đích-trưởng làm tiên. 先 — bằng
Huống nay thái tử hoà hiền hoà khôn
Cương thường lễ nghĩa lòng còn
Trời đất khá vì, nước non xem tày
Vậy nên nịch-ái chẳng hay — 溺愛
Sử xanh chép để lâu ngày làm bia.»

(1) ở bản B, nguyên viết 祜凭 → sau ~~[illegible]~~ (gở) ~~[illegible]~~ viết 肫凭

2a

涇陽王 　 衍?續

Đế-minh bèn lập Đế-nghi
Làm vua Bắc-quốc thay vì (位) Thần-nông
Lộc-Tục phong làm Côi-công (a) Thủ hai 嵬公 Lộc-tục làm thay
Mở mang quê ngoại giữ dòng phiên-bang 藩邦 Làm vua Nam quốc giữ
Hiệu xưng là Kinh-dương vương 涇陽王
Đất vuông nghìn dặm, nước càng lâu xa muôn
Mặc làm Thiên-tử vệ-nghi
Lễ chầu (朝) Thượng-quốc, phẩm y (衣) chư hầu 上國
Cõi bờ Nam Bắc phân nhau
Tây Đông đến tận Ai Lao (隘牢) Hải-thanh 瀕海清
Nam thì suốt đến Chiêm-thành 占城
Bắc qua Quế-lĩnh 桂嶺 chân thành Bắc-man 北蠻
Kinh-dương đến Ngũ-lĩnh-sơn 五嶺山
Xưa lên ngôi báu được an lòng người
Bao nhiêu rợ mọi (獠?) gái trai
Lằng hằng, chòm tổ, cửa ngoài, nẻo trong chùm(s) ngõ
Khều (蹻) chân, mắt dử (雅) tóc bùng (蓬) chân Kê
Đất dê đội gạo đến cùng mừng vua
Dúi 跽 quì ba tiếng tung-hô Ráo 跽
Nước mừng có thánh, chẳng lo điều gì (之)
Gần xa mến đức rải uy,
Thôi Hữu-sào ấy bỏ đi chẳng nhìn 有巢
Theo đường lễ-nghĩa kính tin
Kinh-dương mừng đã trị yên nước nhà
Muôn năm truyền dõi lâu xa Dõi
Hanh-thông gặp hội (及), thái-hòa thì đăng 登
Xa-thư một mối lừng lừng 唛 凌 車書
Dân không tập ngụy, vật không bắt càn
Chư hầu tùy chức (職) giám quan thuật 述
Vãng lai triều-sính, cứ nền ông cha 朝聘 chia ra mối
Hiệu VĂN-LANG quốc đặt ra 文郎國 Xích quỉ 赤
Người người giữ phép, nhà nhà ở ăn (唛) thủ pháp 守法
Tin ngay thói chẳng loạn dâm 乱 單 chẳng nết dâm
Lấy công lấy chính, chẳng gian chẳng tà lầm (s)

2b

3a Thoạt (說) dưới Động-đình tiên gia　洞庭仙家
Có một con gái tên là Thần long　神竜
Nẻo từ sinh chốn Thủy-cung　水宮 xa
Phụ-nhân thói ấy để hồng có hai　biết o họa rằng
Nhưng chờ khách trúc bạn mai　徐降
Thủy-vân phận ước, Thiên-thai duyên gần　水雲 天台
Nhàn rồi chơi bãi thủy-tân　Rồi nhàn 水津 o chốn
Kết năm ba bạn ở tần 蚵蟥 lờn-bơn　鯿鮃 gái lân (nàng quyên (âm ...))
Phương phi tuyệt giá thuyền-quyên
Nào hay ông Nguyệt xe duyên bởi trời　吅㗂
Kinh-dương ngày ấy đi chơi
Thuyền trăng buồm gió tếch với Nam-minh　南溟
Nhìn xem phong-cảnh hữu-tình
Thế-âu bãi ngọc, bằng hình chốn tiên
Nhởn nhơn (然) có khí tự-nhiên
Ngỏ nhìn Tinh-vệ lại lên chơi bời　ngồi 𩇕　精衛
Lửa qua thuyền khởi đầu doi (汢?)　Ruổi thuyền qua
Nhác (落) thấy một người con gái lân la　~~thấy~~
Mê (迷) với cung-nguyệt Hằng nga　mi-miều 姮娥
Có lầu đón gió, có tòa rước trăng
Ở trên mặt nước tăng tăng　lâng lâng 凌
Gần thuyền vua mới nói năng sự-tình:
Nàng rằng: « Thiếp con Động đình, thưa
Thần long là hiệu, Nam-minh là nhà. »
3b Vua bèn ẩn (按) trước hỏi qua:　sau (?)
"Nguyện xin Lệ-thủy sánh hòa bồn-cương »　麗水 崑崗
Nàng nghe sau trước tỏ tường　biết ý 訂→許
Vâng lời nên nghĩa tao-khang kết nghì (誼)
Đem nhau về ở Sơn-tê　山西
Cong (1) non đột-ngột (崒屼) trị vì quốc-gia
Năm sau Thủy-nữ tình ra　nữ-thủy 水女
Được một nam-tử bằng hoa tốt-lành

(a) 涇陽王系陰炎帝為我粵君，自貉竜君種出洞庭為我粵始祖

[illegible]

Kinh dương [illegible]
[illegible]

[illegible]

Kinh dương mới gọi Hi hoàng 羲皇
Trao quyền Thái tử [illegible]
Hiệu xưng là LẠC LONG QUÂN 貉龍君

[illegible]

[illegible]

…ng. bông treo cửa, hổ bì lót ch… [illegible]

[illegible]

[illegible]
[illegible] ao? » sao
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] »
[illegible]
« [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Pho [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible]

Thôi nhà yêu quái [illegible]

[illegible]

[illegible]

Nguyên [illegible]

[illegible] cao-tc [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Hương [illegible]

[illegible]

Hiu hiu [illegible]

[illegible]

[illegible] thông [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Cò [illegible]

Xủ [illegible]

Rằng [illegible]

[illegible]

Nguyên [illegible] oanh [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Qua [illegible]

[illegible]

[illegible] vô [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] Trọng [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Sẽ toan cả đời, hai tôi [illegible] »
Con [illegible] TRỌNG THỦY có [illegible] 仲始
Cơ-thâm [illegible] [illegible] 頂之
« Nghĩa [illegible]
MỊ CHÂU [illegible] 媚珠
[illegible]
Quí [illegible]
[illegible] cung xanh [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] nghiệp [illegible] »
[illegible]
[illegible] cùng con »
[illegible] người vào Cổ-loa [illegible]
Đặt [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] trong ngh[illegible]

[illegible] mường [illegible]

[illegible]

[illegible] dừng

Hỷ-mường [illegible]

[illegible]

Cũi [illegible]

[illegible]

[illegible]

Thái-[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Ngu[illegible] thái

[illegible] đất, [illegible] người [illegible]

Xuông chu 昌株 [illegible] cũ [illegible]

[illegible] có [illegible]

[illegible] đồng [illegible]

Điện-mạo [illegible] tai, [illegible]

An-dương [illegible]

[illegible] trường

[illegible]

[illegible] thuốc [illegible]

[illegible]

[illegible] nào.

[illegible]

[illegible] nào có [illegible]

[illegible]

[illegible] Sở [illegible]

[illegible], Sơi, vùng, [illegible]

[illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] cho [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Lễ nào mà chẳng [illegible] (禮 [illegible]) trước sau
[illegible]
[illegible], mao [illegible]. »
— [illegible] 坤方 [illegible]
[illegible] cho cùng! [illegible]
[illegible]
[illegible] nghĩ! »
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible]

923 [illegible]

[illegible] [→ cô] [illegible]

930 [illegible]

935 [illegible]

940 [illegible]

[illegible]

cuối

[illegible]

vành-vạnh

[illegible]

Thục binh mất nước nào bằng [illegible]
Hễ người vô đạo [illegible] chúa [illegible] thuyền
[illegible]

Công bao nay chẳng được [illegible] [illegible]
Bỏ bát [illegible] [illegible] [illegible] thể chẳng [illegible]
Thôi [illegible] [illegible] [illegible] 冒 [illegible] [illegible]
Xa không biết [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Bởi [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Nào [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Phiền [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Chi [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Ra [illegible] [illegible] khéo mua [illegible]
Bằng [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Nó nào như ở [illegible] ⊗ [illegible]
Ngập ngừng [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Hết [illegible] [illegible] [illegible] 春 [illegible] [illegible]
Rồi [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Hoa Tây châu [illegible] 洗 珠 井 ở [illegible] Loa [illegible]
Khách [illegible] qua [illegible] [illegible] [illegible]
Có thơ [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] 詩云 [illegible]

[illegible]春尋味四[illegible][illegible]
海誓期索已絕然
[illegible][illegible]思情[illegible][illegible][illegible]
[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]
[illegible][illegible][illegible][illegible]心無[illegible]
[illegible]性[illegible][illegible][illegible][illegible]堅
[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]載[illegible]
[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

III. TRIỆU-KỶ   Vũ Hoàng đế

秦時設運 伐之興王, 控北雄南, [illegible] 拓土一萬有餘里
控東粵西甌, 專制一方。東甌今福建, 西甌今廣西 [illegible]

[illegible] 趙家

[illegible]

1100 [illegible]

[illegible]

1105 [illegible]

[illegible]

1110 [illegible]

[illegible]

[illegible]

Sứ-chúa 使主 giám sao sánh cùng"
Vua rằng: "Ai chẳng anh-hùng
Ta hơn chẳng [illegible] Bái-trung 帀中 nên hèn"
[illegible] lực-lượng 力量, kinh quyền 经權
dòng [illegible] thư-khí 氣 mất bèn làm thinh
Tâu từ trở lại Bắc-kinh 北京.
Biên-phòng [illegible] vâng về, bãi binh lại rồi
Mất chỉ buồn bán vãng-lai
Dọc ngang [illegible], ngược xuôi chẳng phòng
[illegible] trời [illegible] kẻ biệt thông
Rằng sao [illegible] hạnh lòng sự xưa

nhờ chúng Hoàng-đế 黃帝 [illegible] 朝

Co [illegible]

1.35 Kể hết Tâm đây [illegible] nay [illegible]

[illegible]

[illegible] hư [illegible]

[illegible]

[illegible] vâng cư [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] quân [illegible]

Loa thành [illegible]

Tiếc [illegible]

1291 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] thi [illegible] ngoài

[illegible] vàng

[illegible]

Trong [illegible] Cư-lâu, ngoài.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Mà là [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

1325 [illegible] quân [illegible]

Loa [illegible]

[illegible] nhất [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] [illegible]

[illegible] Thiên [illegible]

[illegible]

[illegible]

Chua Tôi [illegible]

[illegible]

[illegible]

Thuat [illegible]

[illegible]

2?6 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Tới Việt-nam [illegible]

1350 [illegible] Thiên [illegible]

Qui

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

1360 [illegible]

[illegible]

[illegible] 數道冥 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] người

[illegible]

Rằng [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Ái trùng sang [illegible] thuở [illegible]
[illegible] gọi hiệu rằng Ái-Vương
Chiêu [illegible] vương
Hiền [illegible] cũ, [illegible] Vương [illegible]
Lễ [illegible] dạ [illegible]
[illegible] chẳng [illegible]
Đã cho [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

半世功名懸鳳[illegible]

[illegible]

人忘迹绝冢何在[illegible]

[illegible]

Phụ Hán thứ sử 附漢刺史

五嶺之[illegible]，[illegible]二地[illegible]中[illegible]。[illegible]
[illegible]（[illegible]），[illegible]（[illegible]），[illegible]（[illegible]），[illegible]（[illegible]），
交趾，[illegible]，日南即安南也。

Từ đây Thái-thú 太守 nước Giao
Tới từ Thạch [illegible] 石[illegible] [illegible] mà cướp dân [illegible]
Dao [illegible] cầm [illegible]
[illegible] có [illegible], [illegible] có [illegible]
[illegible] nay [illegible]
[illegible] - thương
[illegible] 令[illegible] [illegible] có [illegible]
[illegible] Nam-hải [illegible]
[illegible]
[illegible] thì [illegible]
[illegible] cho [illegible]
[illegible]
[illegible] 兼 [illegible]
[illegible] - [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

"Quang sang [illegible]
Hán [illegible]
Dân [illegible] Hồi [illegible]

[illegible]

[illegible]

TIỀN-LÝ NAM-ĐẾ KỶ

Tổ xưa người ở Bái-hương

[illegible]

[illegible]

TIỀN-LÝ NAM-ĐẾ KỶ

Tổ xưa người ở Bắc-phương
Đời Tây-Hán loạn dời sang Nam-thùy
[illegible] quê ở [illegible] Thái-bình
Buôn bán đường mình, vui nghiệp làm ăn
Thiên lòng tính đức tu nhân
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TRIỆU VIỆT VƯƠNG [illegible]

Thoi

hãi

[illegible]

HẢI LỤC NAM ĐẾ KỶ [illegible]

[illegible]

10 Đông về Trường thu, tây cho Lý [illegible]

11 Đặng [illegible] Đ[illegible]

[illegible] Nam

[illegible]

[illegible] cung [illegible]

[illegible] nơ [illegible]

Ra đường [illegible] Không ăn

[illegible] đòi [illegible]

[illegible]

[illegible] tang

[illegible] mỗi [illegible]

[illegible]

[illegible]

Triều-đình rằng: "Chàng Thông [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] Tùng Cao
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
535 "[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] đèn
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] đời

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] quân

[illegible]

[illegible]

Không [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] lại

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Đời [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Nai

朕之脆敢哂

Hoa

纔居

60b

柔

Phương

为

THÁI TÔNG

Viễn vân

ân

Diên 迠

[illegible]

[illegible] 想 [illegible]

[illegible] 嗎

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] tai [illegible] giàu [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] tiền

[illegible]

[illegible] Vương Cao Biền

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

lòng [illegible]

[illegible]

tôi truyện

[illegible]

[illegible]

[illegible]

mới [illegible] người [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Xưởng [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Ngoài ba trăm năm đế vương

Mênh quan [illegible] [illegible] ,,

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Lia

[illegible]

Han 韓 phù 符

[illegible]

[illegible]
[illegible] 皮 xâm
[illegible] 侵
[illegible] thói lam
TẦN cung × Sở xước 秦恭楚綽 [illegible] 䶧 Phàn 樊
[illegible]
[illegible]
[illegible] 角 Hàn
[illegible] 兵 柙
[illegible] 軀 → 抵
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

CAO-VƯƠNG [illegible]

[illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible] 扌与 → 15
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] 打
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible]

[illegible] 特置 [illegible]

[illegible] 口立標 [illegible]

[illegible]

[illegible] le

[illegible] kho nhọc [illegible]

[illegible]

[illegible]

Nhà [illegible] bạch [illegible].

[illegible]

[illegible] 謀 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Trước nhà [illegible] người [illegible]

Nàng [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 曰: 天 [illegible]

[illegible]

[illegible]

1885 [illegible]
[illegible] 夫 ← 流
[illegible]
[illegible]
[illegible] 金 [illegible]
90 [illegible] 下 ← 六
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
95 [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

Thơ rằng: 詩云

1900 [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
05 [illegible]
[illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible]
1910 [illegible]
01 [illegible]

[illegible]

[illegible]

1010 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] người

[illegible]

[illegible]

PHÙNG KỶ 馮[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] người

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] nó kìm chân ta [illegible]

Mạnh mẽ [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] a ngậm con cho

Của mười mua chuộc người ta

Hơi bình chủ tướng nở cờ liền [illegible]

Thu [illegible] cho em [illegible] tay [illegible]

Nội công ngoại ứng [illegible] dành ([illegible]) no hay

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

18a

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] chi [illegible] Minh Cong [illegible]

[illegible] ông [illegible] có [illegible]

[illegible] Xi [illegible]

[illegible] tô cô [illegible]

Xuống [illegible] đoạn [illegible]

[illegible], âu cũng chưa [illegible]

CHU [illegible] quy [illegible] đâu

[illegible] lại [illegible]

Từ ấy nước [illegible] mới rài

Chưa [illegible] cây tài [illegible]

[illegible] ai [illegible] ở chốn [illegible]

Chưa [illegible] đoái [illegible]

[illegible]

[illegible] NGO VUONG

[illegible] một người một [illegible]

Ai ai [illegible] có [illegible]

Cuối [illegible], [illegible], [illegible]

[illegible]

[illegible] ai [illegible] dùng [illegible]

[illegible] kẻ [illegible], đưa [illegible] mấy mắn [illegible]

[illegible] đời [illegible]

Cây tài [illegible]

[illegible] HAI NGUY [illegible]

Nào [illegible]

[illegible] ngoài [illegible]

Có [illegible] có [illegible] đời

Lòa [illegible] [illegible] đời [illegible]

Cây [illegible]

Còn con ai được tông quân
Tiếp nơi Văn-đăng đến thân ra ngoài
Lại to chẳng có con trai
Vườn thu đã ngoại sau mười lẻ ba
Nhà Ngô được chín [illegible] ra
Dân gian chủ đâu, [illegible] xa lìn xế
Đến ngày tuần [illegible] thì
Lấy tài Đường Tỉnh triết cả th[illegible]
Một [illegible] cả mọi quan quân
Cõi [illegible] qua [illegible] đến gian ngôi ca
Vở tơ không [illegible] thuở xưa
Vũ [illegible] bao có nó là đao thầu
Kể chi chưa được bao lâu
Loạn rồi ắt thay trị ắt đến ngày
Có thờ [illegible] trời con [illegible] 李陳玄詩云

唯[illegible]陳公知去就
寔天假手啟丁王

ĐINH KỶ 丁紀

Đinh Tiên hoàng 丁先皇 là con vua [illegible] HOA LƯ [illegible] Vụ là [illegible] trẻ làng bay nghĩ về con trời: Đinh vương [illegible] [illegible] 帝王之兆

Trần ai khôn lẽ biết hay
Đất Đinh (芹[illegible]) Gia Viễn, trời gây giang sơn
Tên là Bộ Lĩnh ông minh 部領
Cha xưa là Thứ sử nhậm thành Hoan châu

Vốn [illegible] ai nước Tống quân
Tiếp nơi cản đứng đến [illegible] ra ngoài
[illegible] có con trai
[illegible] đã ngoài [illegible] tuổi già
[illegible] được [illegible] a
Dần dần [illegible] xa [illegible]
Đêm ngày [illegible] phú thi
Lấy [illegible] đường [illegible] dùng
Một [illegible] quan [illegible]
Cố [illegible] qua [illegible] đến [illegible] ngồi ca [illegible]
[illegible] lời [illegible] xưa
Vũ [illegible] có [illegible] dao [illegible]
Kể chi chưa được [illegible]
Loạn rồi át [illegible] trị [illegible]
Có [illegible] con [illegible] [illegible]

[illegible]
[illegible]

ĐINH KỶ 丁紀

([illegible]) Vua Đinh [illegible] là con vua Đinh Công Trứ 丁公著, [illegible] đất Đại Hoàng, Hoa Lư 大黄 [illegible]. [illegible] phủ Trường yên. Cờ lau nở nước đóng mui, trả lang bay nghi vẻ con trời; [illegible] vàng [illegible] ĐÀM GIA, [illegible] dựng vương [illegible]. [illegible]
[illegible]; [illegible], [illegible] 帝王 [illegible]

Trăm ai [illegible] trét [illegible]
Đất [illegible]) GIA VIỄN, trời [illegible] giáng [illegible]
Tên [illegible] BỘ LĨNH [illegible] 部領
Cha xưa [illegible] nhậm [illegible] Hoan châu

[illegible] lòng [illegible] xưa
Đê vương [illegible] đây trời đã [illegible] 徵

[illegible] HOÀNH [illegible]

[illegible] một miền [illegible] chẳng chút quan-tâm

Thay đổi loạn lạc bắc nam

Những kẻ nan [illegible], chẳng kẻ [illegible] minh

[illegible]

[illegible]

[illegible] 官 quan [illegible]

[illegible]

[illegible] Hồ [illegible] Hoa [illegible]

[illegible] 如

[illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Nào khi ngư-phủ, nào thì Hồi [illegible] 井立 [illegible]
Mình [illegible] nào nữa
Ngọc [illegible] đổi chỗ [illegible]
[illegible]
[illegible]
7a [illegible]
[illegible]
[illegible] lao [illegible]: « Bay!
"Rằng [illegible] mười [illegible]
[illegible] dạ [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] quê 𡗶
[illegible]
[illegible] tay » [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] 淋[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible]

Nghĩ [illegible] khăn [illegible] chăng [illegible]

[illegible] có [illegible] [illegible] a.

[illegible] mưa [illegible]

[illegible] hoa [illegible] 井 [illegible] một [illegible]

[illegible] cô [illegible]

[illegible] 主·行

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] có [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] quân [illegible]

8b [illegible] ân

[illegible]

[illegible]

[illegible] 墓

[illegible]

[illegible] mình ra

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] a [illegible]

[illegible]

[illegible] người.

[illegible]

⊗ [illegible] 詳 [illegible] [illegible] Kap [illegible]
hoa một [illegible]

[illegible]

Hán [illegible]

4100 [illegible]

9a [illegible]

[illegible]

Tường [illegible] đông thái-cung 胎宫

Nghìn [illegible] chẳng thấy bóng [illegible]
[illegible]
[illegible] dưới [illegible]
[illegible] tạ-[illegible]
Hay [illegible]
[illegible]
Sau [illegible] người [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] tai [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] chung [illegible]
[illegible]
[illegible] dưới [illegible] → [illegible]
[illegible] mây sai [illegible]
Mặt [illegible]
[illegible] 生 [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] gia [illegible] lò [illegible]
[illegible]
[illegible]-quan [illegible]
[illegible] Trời [illegible]
[illegible] 未 [illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] chiết lệch [illegible] nói năng [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] đi [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
12a
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

66a

Tần Đình Ba [illegible] vương 白[illegible]王

[illegible] thuyền [illegible]

[illegible]

Chiến-thời địa [illegible] hội dưới [illegible]

[illegible]

[illegible] quân [illegible]-tộc. [illegible]

[illegible]

Khôi [illegible] đá.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Hoàn [illegible]

[illegible]

Dam? [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Lại [illegible] vào [illegible]王

[illegible] quan [illegible]

Lê [illegible] 上[illegible]

[illegible]

[illegible]

Hiệp [illegible]

[illegible]

[illegible]

Hoà [illegible]

[illegible]

[illegible]

Ba [illegible]

[illegible]

Tháng [illegible]

[illegible]

文讖

杜 [illegible]

[illegible]

Hoa [illegible], [illegible] bao [illegible] [illegible]

Tô [illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible] nổi [illegible] Lê HOÀN

[illegible] [illegible] Bắc [illegible] [illegible] [illegible], [illegible] Thanh-liêm, xã Ba[illegible]

Định để [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] vào [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] 十→下

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

余何重[illegible]不謹, [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] *

LÊ KỶ

黎紀 [illegible]

16a

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

Qua miền [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] Hồng (牛 → [illegible])

[illegible] [illegible] [illegible] Việt [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] Phù [illegible] 諒 → 謀

HÀO [illegible] [illegible] [illegible] Trung [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] Hoa [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

(*) [illegible] 4427 – 4433 [illegible]: [illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] — Tô [illegible], [illegible] [illegible] nổi [illegible], Lê Hoàn [illegible] [illegible] [illegible] — [[illegible] [illegible] [illegible] Bắc [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] để bách quan vào chầu]

20a

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

18a [illegible]

[illegible]

[illegible] hoà [illegible] hoà [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

18b [illegible]

[illegible]

Khi [illegible] ra, [illegible]

[illegible] Thuyền [illegible]

[illegible]

[illegible] có cần [illegible]

Chàng ai thực mười [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Tan [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

19a [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

20a [illegible]

[illegible] khôn mình [illegible]

[illegible] Tôi là quả [illegible]

(1) { chẳng con trời bụt thì con thầy chùa
{ [illegible] trong phép bụt ý [illegible]

[illegible]

[illegible] trong

[illegible]

[illegible] Trình [illegible]:

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] mặt [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Dong nhan [illegible]

[illegible]

Nhưng [illegible]

[illegible]

Co thay [illegible]

[illegible]

[illegible]

"Hai Than [illegible]"

[illegible]

Nhưng [illegible] trường [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] dịch [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

(1) Thấy [illegible] này sao, Đỗ [illegible]

(2) [illegible]

Chồng… lại… [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Hai… [illegible]
[illegible]
224 [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
226 [illegible]

(1) [illegible] 東[illegible]軒, [illegible]

[illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] 𠄩代
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
(1) [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

(1) [illegible]

vừa ngoại

thiền

tâm

nhờ

chủ

được

đô

嗟

thân chi

231

事即竈神土地

[illegible]

[illegible]

[illegible]

24a [illegible]

[illegible]

[illegible]

LÝ TRIỀU KỶ

[illegible]

[illegible]

Đại hành [illegible]

người [illegible]

Nhất [illegible]

24b Khi [illegible]

[illegible]

[illegible]

– 75 Quân [illegible] pho [illegible] [illegible] phò Việt.

[illegible]

25t–

[illegible]

[illegible] bé [illegible]

năm 1905 [illegible]

[illegible]

Phạm nhớ [illegible] lên [illegible]

D.Ea [illegible]

[illegible] rạn [illegible]

[illegible] tuổi

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 增富

[illegible]

[illegible]

thấy [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] rằng [illegible]

Hiền [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

(1) Bách quan văn vũ đều cùng quyết nên _ Công Uẩn tự ốc đại quyền 自攝大權
[illegible] ở thái hậu hãng quần chút điều – những quan tương tương liên triều

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

184 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] luyết tù

Với [illegible] xa [illegible]

15 Dìu [illegible]

[illegible]

[illegible] nót xa

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Đồng [illegible]

[illegible]

[illegible]

25 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

1035 [illegible]

[illegible] 帝

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 太宗 [illegible]

[illegible] 興國

[illegible]

[illegible] 商周

[illegible]

[illegible] 女色 [illegible]

[illegible]

(101)

[illegible] 書

[illegible]

[illegible] 冗 [illegible]

đối [illegible]

vô [illegible]

[illegible]

đã [illegible]

thai [illegible]

Ấp [illegible]

của [illegible]

gặp [illegible]

li [illegible] cách [illegible]

ai [illegible]

lòn [illegible]

chiều [illegible]

[illegible]

Từ bộ Bô-hô [illegible]
[illegible]
[illegible]
Bắt [illegible]
[illegible] 下斗, [illegible] Mỹ [illegible] [illegible]
[illegible] 縞結 [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Mỹ-Ê [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] TÊN [illegible]
[illegible]
[illegible] 荘仁 [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] có 1 hầm [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible] 河英 [illegible] 英二 [illegible]

5165 Hồ chẳng Khương-hậu 姜后 [illegible]

Nuôi nhà [illegible] thấy, [illegible] 丰兒 chẳng con

[illegible] lòng ~~chẳng~~ [illegible] nước non

Mừng [illegible] cải-hoá 改化 [illegible] 緣 寄

[illegible] quê

[illegible] Việt [illegible] Nam

[illegible] 三

Hoa [illegible] 國 蝉

[illegible] 文

[illegible]

[illegible] 姜 [illegible]

[illegible] 訓 [illegible]

[illegible]

[illegible] mới

[illegible]

[illegible] danh [illegible]

[illegible]

Đường [illegible] một, [illegible] có [illegible]

Năm [illegible] đời [illegible]

Sông [illegible] một người [illegible]

NAM HẢI [illegible] 王 [illegible]

[illegible] tiếng [illegible] 黃 [illegible]

Bùi Hữu [illegible] nặng [illegible]

[illegible] thất [illegible]

[illegible]

[illegible] thương

[illegible] nương

[illegible] 宋 [illegible]

[illegible] đảo [illegible] 特

[illegible] chốn [illegible] chồng

[illegible]

[illegible] ngọc [illegible] 蕃 [illegible]

[illegible] Nuôi nhà chẳng thấy [illegible] 丰兒, chẳng còn lòng [illegible] nước non.

o o o o o o ([illegible])

[illegible] 覓賞

[illegible]

[illegible] 王夫人

[illegible]

[illegible] 空

[illegible]

[illegible] 宮 [illegible] 理

[illegible]

[illegible] THAI-TONG 太宗.

[illegible]

X

Ư VINH

x

[illegible]

35a [illegible]

[illegible] vàng vào này làm chi [illegible]

25 b

[illegible]

Nam[illegible]

Khem[illegible]

5364 —

Thông im xanh rợp nẻo đường
Chòm chòm liễu yếu, hàng hàng đào thơ 香店→笞笙
Bạn mai khách trúc [illegible] 辣晃→鉄
Màu màu hoè tía, thưa thưa đào vàng

5365 —

Ra [illegible]

[illegible]

5327 —

[illegible] Tam thế chẳng sai 世
[illegible] luyện bảy Như lai 如來
Mọi chư thần tính, mọi loài thần thân
Hoá [illegible] người tinh thần
[illegible] xuyên hà hải, [illegible] thần các ngôi
Thần căn bí cốt mọi nơi

5358

[illegible]

Ra [illegible]

[illegible]

05 [illegible]

[illegible] nửa đời

[illegible] con mắt [illegible]

[illegible]

15 [illegible]

Minh không [illegible]

[illegible]

20 [illegible]

Minh Lương [illegible]

37 [illegible]

[illegible]

Ra [illegible]

[illegible]

[illegible] chăng [illegible]

[illegible] mà [illegible] về 恩

[illegible]

[illegible]

Tan hồn thất phách [illegible]

ĐẠI-ĐIỀN [illegible]

Thấy mừng rửa được [illegible] 把

Xét về cảnh cũ [illegible]

[illegible] ối giai tông [illegible]

[illegible] đạo thâm [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

40.2 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Trí kế việc đời sau xuân [illegible]

[illegible]

Bi [illegible] ngọc [illegible]

Bảo ngọc [illegible] đất [illegible]

[illegible]

[illegible] đời nào [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] chuyện [illegible]

[illegible]

[illegible] tới.

[illegible]

9.a

[illegible]

vua

[illegible]

Dom on

[illegible]

đưa

[illegible]

tay

[illegible]

Bât

[illegible]

nhân

[illegible]

mạng

[illegible]

[illegible]
[illegible]
« [illegible]
Bây giờ được thấy mặt [illegible]
[illegible] thấy [illegible]
42a [illegible] cao tay
[illegible] »
[illegible]
[illegible]
[illegible]
« [illegible]
[illegible] : « [illegible]
[illegible] chiếc [illegible] »
[illegible] ĐẠO-HẠNH [illegible]
[illegible] TAN [illegible] đạc [illegible]
[illegible] »
[illegible]
Bạc vàng vô số [illegible] đa,
[illegible] thấy [illegible]
Tì [illegible] hát [illegible] ra
[illegible] đọc [illegible] !
偈云：麒麟圖仗□。呈日刊中天。
[illegible]
[illegible] TIẮC-TUYỀN [illegible]
42b [illegible]
[illegible] có [illegible] ca
MINH-KHÔNG [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] thấy [illegible] .

[illegible] bên bởi mãi (事實) [illegible]
Cốt [illegible] để [illegible] đặng 洪 [illegible]

詩云: 上天下地[illegible]
[illegible]人間不問[illegible] ([illegible] 月[illegible]中天)

[illegible] nào [illegible] thấy [illegible]
[illegible] đào [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] thấy [illegible]
Thông [illegible] cốt [illegible] 大→水
Đọc qua [illegible] mà [illegible] biết [illegible]
[illegible]
Nhất [illegible]
[illegible] Tô [illegible]
[illegible] một [illegible]
[illegible] 天仙,
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Sú dau có [illegible]
Nam [illegible] Chu-cữ [illegible] đồng cùng [illegible]
[illegible] 冗 [illegible] 面→開→酒
[illegible] cốt [illegible] 昧
Hãy [illegible] xa [illegible] 押銀
[illegible] đem [illegible] thanh-[illegible]

1) Luật [illegible] của bài đồng-phong [illegible]
2) [illegible]之[illegible], [illegible]之[illegible]

[illegible]

[illegible] 錢 [illegible]

[illegible]

[illegible]

題 [illegible] 詩 [illegible]

市 勝 [illegible] 同 [illegible] 一 [illegible]
五 盤 [illegible] 光 [illegible] 無 [illegible] 道
画 收 世 界 [illegible] [illegible] 真
[illegible] 化 乾 [illegible] 利 [illegible] [illegible]
紅 [illegible] 千 [illegible] 照 日 月
西 四 萬 [illegible] 周 江 山
年 [illegible] 合 [illegible] 期 任 [illegible]
[illegible] [illegible] 右 [illegible] [illegible] 上 [illegible]

[illegible]

[illegible] H[illegible]thung [illegible]

[illegible] [illegible] 山 [illegible]

[illegible] 韻 [illegible]

題顯瑞竜詩云

[illegible] [illegible] [illegible] 擬 [illegible] [illegible] [illegible]
高 上 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
春 花 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

逍遙自得神仙樂

世上[illegible]居[illegible]人

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 代

[illegible]

[illegible] hoa.

[illegible]

điểm

[illegible]

[illegible]

nên

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] ui [illegible] cô [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] vô [illegible]
[illegible]
[illegible]
Tên là MỤC THÂN [illegible]
Người [illegible]
[illegible]
Chúi [illegible] ọc [illegible] 車 [illegible]
[illegible] cọc [illegible] xe 車 [illegible]
[illegible] Tiát [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
45a Tuổi [illegible]
蒿見 [illegible]
[illegible]
[illegible] chính [illegible]
[illegible] HIỂN THÀNH [illegible] ĐINH TỴ [illegible]
[illegible] con [illegible]
[illegible] XUỐNG [illegible]
[illegible]
[illegible] ta
Có [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] Hiền Thánh [illegible]

[illegible] Y-Doãn [illegible]

[illegible]

[illegible] Đồ [illegible]

[illegible]

[illegible] 朱 [illegible] 泰 [illegible] bóng [illegible]

[illegible] Lý Sơn [illegible]

[illegible] lửa [illegible]

[illegible] với [illegible]

[illegible] con [illegible]

[illegible] 夜

[illegible] nhìn [illegible]

[illegible]

Cách bao nhiêu [illegible] bấy chầy
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Nói hay [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Mấy [illegible]
[illegible]
Trông [illegible]
[illegible]
Ngày [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Lấy [illegible] chẳng chi

[illegible]

Thứ

một [illegible]

[illegible]

49a [illegible]

[illegible]

TRẦN TRIỀU KỲ

[illegible]

[illegible]

TRẦN KỶ

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 神 [illegible]

[illegible]

[illegible] Này

[illegible]

[illegible] 鐘億牢

[illegible] (… → …)

[illegible]

[illegible] nhau [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Đem chàng [illegible] qua

[illegible]

Của quan [illegible] cùng [illegible]

Thừa Hàn

(Ba Hán 巴漢 [illegible] mẫu [illegible] Tần [illegible]

[illegible]

[illegible] 依皈

Hường [illegible] một khi

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] nào

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 滿 [illegible]

[illegible] 光照視 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 日 [illegible]

[illegible] 間

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 積 [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 香 [illegible]

[illegible]

[illegible]

65 [illegible]

52a [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] để nối đời

[illegible]

53a

[illegible] không giữ rõ mai ngày »
Sĩ-thành thấy vậy tức, vầy trở ra
Vua sai sứ đưa về nhà
Anh em [illegible], [illegible] duyên do.
Thật [illegible] anh vua
[illegible] mờ mờ [illegible] bao
[illegible] người có xanh [illegible] nao nao 惄
[illegible] mẹ, [illegible] vào [illegible] nương (娘) 絶双
[illegible] đây [illegible] mong 蒙
[illegible] đường [illegible] có [illegible]
[illegible] tháng [illegible] mười
[illegible] ra [illegible] khác loài [illegible]
[illegible] một ngày một [illegible]
[illegible] 十
[illegible] Quốc Tuấn 国俊 đặt [illegible]
[illegible] cất đặt, ơn vua [illegible]
YẾT KIÊU 駅橋. DÃ TƯỢNG 野象 ở [illegible]
[illegible] cánh, [illegible] của nhà
Du dũng 攸同 phú-quí vào ra.
Vua [illegible] đãi, [illegible]
[illegible] HƯNG ĐẠO VƯƠNG 興道王
Nắm tay [illegible] quân [illegible] quyền
[illegible] thiên hạ mấy thìn
[illegible] quốc gia
[illegible] là cha
[illegible] mười [illegible] tật đau
[illegible] Hưng Đạo vào,
Yết Kiêu, Dã Tượng [illegible] đến [illegible]
Trục người [illegible] tồn [illegible]
[illegible] nói ~~qua~~ nâng
Nắm tay Quốc Tuấn [illegible] rằng
"[illegible] vào [illegible]
[illegible] quân.
Làm lành lại nhìn, có yên còn thù
Bây giờ cha đã già-nua

[illegible]

[illegible] đồng [illegible] đã [illegible]
[illegible] Châu [illegible]
[illegible], [illegible] »
[illegible]:
« [illegible] đời [illegible] »
[illegible]
« [illegible], [illegible] to [illegible] »
[illegible], [illegible]
[illegible]
[illegible]
Tôi [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] Thăng [illegible]
[illegible], [illegible] Hát-môn [illegible]
[illegible]
Tôi An [illegible] là ĐAN-PHƯỢNG [illegible]
Hồ-ma [illegible]
[illegible], vua [illegible]:
Thưa: « LÝ PHỤC MAN 李服蠻 [illegible]
[illegible]
[illegible]
Có [illegible], [illegible]
[illegible]
[illegible], [illegible] »
Vua [illegible]
Tra [illegible], [illegible] có không?
[illegible]:
« Xưa có [illegible] Phục Man
[illegible] đời [illegible], [illegible]
[illegible], [illegible]
[illegible] Văn [illegible]
Hương [illegible] theo [illegible] mình »
Thái-tông cảm động [illegible]

[illegible] muôn danh về đời
[illegible] với [illegible]
Truyền đến [illegible] ngoài [illegible]
[illegible] thuế phủ [illegible]
[illegible] được [illegible]
Thái [illegible] cơ thưởng
Vua [illegible] tên [illegible]
Cuối [illegible] cho [illegible]
Ngự [illegible] -tông 絟縂, [illegible] Sương-[illegible] 霜[illegible]
[illegible] tướng, [illegible]:
« [illegible] chẳng [illegible] sao ? [illegible] »
[illegible]
[illegible] một chốc, [illegible] đời. [illegible]
[illegible]
Chẳng [illegible] ta [illegible]
[illegible]
[illegible] đời được [illegible] »
[illegible] văn-võ [illegible]
[illegible] vua [illegible] THÁI TÔNG
[illegible] TRẦN MIẾN [illegible]
[illegible] một lòng, [illegible] 黃[illegible] [illegible]
Với [illegible]
Trong [illegible]
[illegible] 程 [illegible], [illegible] ngàn-ngạn [illegible]
[illegible], mau-mau quân-[illegible]
Vua rằng: « [illegible],
[illegible] tổ-tông
Để cho [illegible] dùng
Ai [illegible] cũng [illegible]
[illegible] định [illegible]
[illegible] thưởng [+ ta]
[illegible] Lộ [illegible] cũng ở [illegible] 界 ([illegible])
Quân-thần [illegible] -cường.
Ai ai [illegible] nhận thưởng
Được [illegible] xã-tắc [illegible]-tường [illegible] »

Đến nay [illegible] Bùi [illegible]
Đem quân [illegible] [illegible] Đài, bắt [illegible]
Chúng [illegible] [illegible]
Quân [illegible] [illegible] 北, ta để [illegible] dương.
Tha [illegible] [illegible] [illegible]
Học [illegible] [illegible] 黎朝, [illegible] Ngô Sĩ 吳士
Mạc [illegible] [illegible] đổi; [illegible]
Đây công [illegible], [illegible] 刑
Hai mươi [illegible] [illegible]
[illegible] đã [illegible], [illegible] chẳng [illegible]
THÁNH TÔNG 聖宗, [illegible] [illegible]
Con [illegible] Trần Cảo 陳暠 [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible]
[illegible] [illegible], [illegible] [illegible]
Rồi [illegible] [illegible] dân [illegible] [illegible]
Thế [illegible] [illegible] 董子 [illegible]
[illegible] [illegible] đây.
Việc [illegible] [illegible], [illegible] đường.
Thoắt [illegible] Lạng-xương 諒王
Di [illegible] cho [illegible] Nguyễn [illegible]
[illegible] [illegible] muôn ngày
[illegible] đây.
[illegible] [illegible]
[illegible] Nguyễn Bá Linh [illegible]
[illegible] [illegible]
[illegible], nổi danh đang thì.
Đời Nguyễn 元 kể đứng nam-nhi 南兒
[illegible] [illegible], [illegible] Tôn Ngô
Xuân-xanh [illegible] đăng thi.
[illegible] cao [illegible] [illegible]
Thông [illegible] sử [illegible].
[illegible] [illegible] ai [illegible] đời

1281 [illegible] người
[illegible] 𥘀 [illegible] tưởng [illegible]
Đời [illegible] Nguyễn-hoàng 王皇
Nhân khi Thái-tôn [illegible] phương [illegible]
Thuế, [illegible], [illegible] [illegible]
[illegible] khóc gió Chiêu [illegible], [illegible] nước [illegible] [illegible]
Nguyễn-hoàng [illegible] [illegible] trong ngoài,
[illegible] có người [illegible] [illegible]
[illegible] phục [illegible] 從終
[illegible], Hoàng [illegible] [illegible] [illegible] 消→消; [illegible] 埋 [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
1186 [illegible] [illegible], [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible], [illegible]
[illegible] [illegible] chính [illegible] tà (正 禰→禰 [illegible])
[illegible] [illegible] [illegible] hoa [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Trong cung đã [illegible], ngoài [illegible] đã [illegible].
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Tới [illegible] [illegible] [illegible] Nguyễn [illegible]
« [illegible] [illegible] có [illegible]
theo những [illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible]
« Bề trên cả [illegible] [illegible]
Ai quan, [illegible] [illegible] [illegible] đổi [illegible]
[illegible] Giám xin [illegible] [illegible] tôi
[illegible] [illegible] 救過, [illegible] người [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Đã [illegible] [illegible] tội [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible]
Lấy [illegible] An-quảng về [illegible] [illegible].

[illegible]

[illegible] Phạm [illegible]

5b Lý Tướng [illegible] những [illegible] [illegible]

[illegible]

Ruộng xa chẳng [illegible] (…) [illegible] canh [illegible] [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] [illegible]

[illegible]

[illegible], [illegible] quân, [illegible]

[illegible]

[illegible], [illegible]

[illegible]

[illegible]

Dương Hà [illegible] Hoàng mang [illegible]

[illegible] Hoa [illegible] Hoàn [illegible] đồng [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

50a "[illegible]",

[illegible]

[illegible]

[illegible] HÀNG [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] Trùng Hưng [illegible]

[illegible] HƯNG ĐẠO VƯƠNG

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

伸重

Bộ 卜

63a

chưa

trong

cai

thương

Lòng còn ngồi, mới phải quan ra:
Truyền lệnh rồng sai thảo nhà ngồi

[illegible]

[illegible]

詩[illegible]

[illegible]

[illegible] quê hương [illegible]

[illegible] xem trang [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] tự về [illegible]
[illegible]
Ra mặt [illegible] :
« [illegible]
[illegible]
[illegible] »
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Âu [illegible]
Xuất [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] :

Ta dùng [illegible] [illegible] [illegible] thân [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] sao [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] với [illegible] cái [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] 詩 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] rằng [illegible]

詩云

中眼惟有赤鬚侯
鼎鼐潛從白鶴樓
土王已見與之事
不在前頭在後頭

[illegible] [illegible] [illegible] XÍCH CHỦ HẦU
[illegible] [illegible] [illegible] kéo [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] Hải Dương [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] 金 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
« Chẳng [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] »
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] chẳng [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
phương Thành [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]:
« Thăng [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
« Thành [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] »

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

THIỀU ĐÊ [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible]

HỒ QUÍ LY

[illegible]

[illegible]

HỒ HÁN THƯƠNG

[illegible]

[illegible]

90b [illegible]

[illegible] 我 在

[illegible] 和

[illegible] 具

[illegible] 借

[illegible]

tân → đường

lời

[illegible]

rèn đúc

[illegible] 20 [illegible]
[illegible]
[illegible]
25 [illegible] mở [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Hải [illegible]
30 [illegible]
[illegible]
[illegible] lời [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

HẾT TRẦN

[illegible]

[illegible]

91a

cùng

91b

[illegible]

92a 30 [illegible] cạnh [illegible]

[illegible]

3000 [illegible]

2005 Trắp ... bút

nghĩ

11 cả ra ... rồi

426 Đi

15 ngờ

... ước muôn

... hơn

chưa ... tại ... thấy

20 chớ

... chê ... rãi ... cười

30 công

tạt

[illegible]

93a [illegible]

[illegible] khóc [illegible] người

[illegible]

[illegible] Kỷ

[illegible] vua [illegible] bài #1

[illegible]

[illegible] khóc [illegible] ân [illegible]

[illegible] tuy

[illegible]

[illegible] đại [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] chớ [illegible] mặt [illegible] liệu

[illegible]

Trai [illegible]

[illegible] tung [illegible]

[illegible] ta [illegible]

[illegible]

[illegible] tim [illegible]

[illegible] qua [illegible]

TRÙNG QUANG ĐẾ

重光帝 [illegible]

[illegible]

[illegible] thầy

93b Tự Hồ [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

95a [illegible] triết sao

[illegible] đan? 旦 đan?

[illegible] trâu hoàng

[illegible] nhìn [illegible] 文

[illegible]

[illegible] rày [illegible] ai

[illegible] Bin [illegible] 守官

[illegible] thì [illegible]

[illegible] thấm × Ngọc [illegible] 海 茫

[illegible] của [illegible]

Đoi [illegible]

[illegible] ti [illegible]

[illegible] canh [illegible]

Lý [illegible] 救 还 四→回

Qúi-An Chu-binh 李安主 Ty lại theo sang nhậm 任

Minh triều khâm sai trấn nhậm 鎮任

sót (Cộng dân [illegible] tiếm 僣→潛 ngầm Minh [illegible] (1)

(1) câu [illegible] ở bản AB [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] 𫒥

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] (Chuông)

Cui [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

94b [illegible]

[illegible]

[illegible] nầu [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] giàu

[illegible] 10' (貝 nguyên chưa (III) Hùng)

Dư [illegible] lời nầy

[illegible]

[illegible]

[illegible]

LE TRIÊU KỶ [illegible]

[illegible]

[illegible]

Long dân [illegible]

Mạnh [illegible]

[illegible]

Bây giờ [illegible]

[illegible] Hoàng Phúc 黄福 [illegible]

Lấy tài [illegible] đường [illegible]

Dân [illegible] Hoan-[illegible]

đảo-điên

Lấy người [illegible] dân [illegible]

[illegible] nhất [illegible]

Nuôi [illegible]

[illegible]

Ho [illegible]

[illegible]

Lê [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Thân [illegible]

Một [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

16a

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Nếu [illegible]

nào

[illegible] miệng đầu 芸誼

[illegible] vun [illegible]

鄭蔡
97b

如
[illegible] khi Hạ [illegible] 徒 补

[illegible] Em [illegible]

[illegible] bừng 火平

[illegible] nhà [illegible]

Xuân cũng [illegible]

[illegible] xoà [illegible]

[illegible] Lô ~ 也

[illegible] thư [illegible]

[illegible] thông tin [illegible]

[illegible] chốn [illegible]

[illegible] Kinh được vừa

[illegible] nào [illegible]

98a

[illegible] nên [illegible]

[illegible] 援借

[illegible]

mới

thừa [illegible]

[illegible]

Hồ Mạc

Sung [illegible]

97a [illegible]

đồ [illegible]

Thân [illegible]

tày [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] (Tr Kiều)

[illegible]

[illegible] một [illegible]

Ru [illegible]

[illegible]

[illegible] ngồi [illegible]

[illegible]

99a [illegible]

[illegible]

[illegible] tiền [illegible]

[illegible]

[illegible] toại [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] Gia mục [illegible] (2)

91 b [illegible]

Vẹn [illegible] mười [illegible]

[illegible]

[illegible] 8 âm

[illegible] đình [illegible]

[illegible]

[illegible] đằng [illegible] biên [illegible]

[illegible] Thập thò [illegible]

[illegible] có sách [illegible]

[illegible]

[illegible] phân [illegible]

[illegible] huyền

[illegible]

98 b [illegible]

Loài nó [illegible]

[illegible]

93 b [illegible] mưa [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Vang ... ay ...

[illegible]

廣招 [illegible]

[illegible] 枝 [illegible]

[illegible]

咽 [illegible]

[illegible]

[illegible] tong

[illegible]

[illegible]

Hồng-hà [illegible]

[illegible] thoắt [illegible]

[illegible] câu [illegible]

[illegible]

mới
Làm [illegible] tại Trình có Hòm [illegible]
1
đơn
Lạt loài cây cỏ [illegible] mà xem viện quán 院屋
特
[illegible]
[illegible]
Lục
[illegible] ứng [illegible]
[illegible] 雜
ai ấy một

天南語錄

cưới
Vui lại vỗ tay xin mừng
Lan nở lại tinh có thơm
*Ran trông rừng biếc có từng thơ-thơm 拔菖
đơm
Được như từng bách xanh om
Lạt loại cây cỏ mai xem vẻn chuyền
Thờ là 嘿唭 chồn vờn ma-xem 院壓
Kinh nguyện đã đặt ở trên 特
lấy
Dong lại vật mọn nhiều cũng ở dưới này
Thư yên thưa thú cho tày
131a Đường hùm hùm bước, đường cầy cầy đi
Chốc mòng 祝嵩 xin chờ mã kỉ 罵兮
ngọa 五 Lẽ nào mẫu bá 毋覇 chẳng về Đường Ngu 唐虞
Lục riêng
Chuyện này là của xem nhà
Lấy làm lời đạo, nôm-na tính-linh
Ta khinh, nhẹ thế chẳng khinh 離
Ấy vậy ai nấy dễ 易 mình chép nên.
ai ấy một